TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DUY TIÊN** **TỈNH HÀ NAM** Án số: 30/2020/HNGĐ-ST Ngày 26/11/2020 *"V/v ly hôn, nuôi con"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUY TIÊN - HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Mạnh Xuân Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Minh Tuấn và ông Vũ Quốc Phòng.

***- Thư ký phiên tòa*:** bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên tham gia phiên toà: Ông Phạm Minh Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 "*Ly hôn, nuôi con*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐXX-ST ngày 29 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Chị **Bùi Thị T**, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ dân phố L, phường Y, thị xã D, tỉnh Hà Nam; có mặt.

2/ *Bị đơn:* Anh **Đinh Văn H**, sinh năm 1978; ĐKNKTT: Thôn N, xã T (nay là Tổ dân phố N, phường T), thị xã D, tỉnh Hà Nam. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Nam Hà (K, Hà Nam); Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày: Chị và anh Đinh Văn H kết hôn với nhau ngày 18/3/2014 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D (nay là UBND phường T, thị xã D), tỉnh Hà Nam.

Sau ngày cưới vợ chồng chị về chung sống với nhau được một thời gian thì giữa hai vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất hòa. Nguyên nhân chính do anh H là người nghiện ma túy nên trong cuộc sống không có trách nhiệm với vợ con, nhiều lần anh H vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án, lần gần đây nhất vào khoảng cuối năm 2015 anh H phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và bị Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 09 năm tù. Từ đó đến nay vợ chồng chị đã sống ly thân không quan tâm đến nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không hạnh phúc nên chị làm đơn xin được giải quyết ly hôn với anh H.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đinh Văn H cho biết: Hiện anh đang chấp hành án tại đội xx, phân trại y, Trại giam Nam Hà, án phạt 09 năm tù về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*". Anh kết hôn với chị Bùi Thị T trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện D, tỉnh Hà Nam. Anh và chị T chung sống hạnh phúc và không có mâu thuẫn gì. Việc ly hôn là do chị T tự quyết định. Nay chị T xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị T, anh H cùng trình bày vợ chồng có hai con chung là cháu Đinh Thị Mỹ D, sinh ngày 16/3/2005 và cháu Đinh Tiến Đ, sinh ngày 04/4/2014. Hiện tại chị T cho biết cháu D ở với ông bà nội, cháu Đ đang ở với chị.

Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng xin nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Tại phiên tòa, chị xuất trình tài liệu chứng cứ là 02 phiếu lương tháng 06 và tháng 09 năm 2020 của chị do Công ty TNHH Điện tử V trả mức bình quân từ 06 triệu đến 09 triệu đồng mỗi tháng đủ để chi phí cho ba mẹ con sinh hoạt.

Anh H đề nghị cháu D ở với ông bà nội từ nhỏ nên giao cháu D cho ông bà nội nuôi, còn cháu Đ anh đồng ý cho chị T nuôi dưỡng.

Tại bản tự khai ngày 03/11/2020, cháu Đinh Thị Mỹ D có nguyện vọng muốn được ở với mẹ và em.

Về tài sản chung, công sức, công nợ của vợ chồng: Chị T, anh H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Bùi Thị T giữ nguyên quan điểm ly hôn của mình.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX xử ly hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Đinh Văn H; về con chung: giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, công sức, công nợ: không đặt ra giải quyết; về án phí HNGĐST nguyên đơn phải nộp 300.000đ.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên tòa bị đơn là anh Đinh Văn H vắng mặt, anh H đã có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, HĐXX căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Bùi Thị T và anh Đinh Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Uỷ ban nhân dân xã T, huyện D (nay là phường T, thị xã D), tỉnh Hà Nam đăng ký kết hôn ngày 18/3/2014 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo hộ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh H, chị T chung sống hòa thuận một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân mâu thuẫn, do anh H là người nghiện ma túy, nhiều lần phạm tội và phải đi chấp hành án, lần gần nhất anh H đi chấp hành phạt tù từ cuối năm 2015, từ đó đến nay vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị T xin ly hôn và được anh H đồng ý ly hôn. Vì vậy, yêu câu xin ly hôn của chị T đối với anh H là có căn cứ và được HĐXX chấp nhận.

[3] *Về con chung:* Vợ chồng có hai con chung là cháu Đinh Thị Mỹ D, sinh ngày 16/3/2005 và cháu Đinh Tiến Đ, sinh ngày 04/4/2014. Hiện tại cháu Duyên đang ở với ông bà nội, cháu Đạt đang ở với chị T. Khi ly hôn, quan điểm của chị T muốn nuôi cả hai con chung; quan điểm của anh H mong muốn cháu Duyên ở với ông bà nội của cháu.

Xét thấy hiện tại anh Đinh Văn H đang chấp hành án phạt tù có thời hạn vì vậy không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Trong khi đó chị T có công việc và thu nhập ổn định. Vì vậy, sau khi xem xét mọi mặt, HĐXX cần giao cháu D và cháu Đ cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung với chị T là phù hợp quy định của pháp luật và hoàn cảnh thực tế của các đương sự cũng như nguyện vọng của cháu Duyên.

[4] *Về tài sản chung, công nợ, công sức*: Do chị T và anh H không có yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] *Về án phí ly hôn:* chị Bùi Thị T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Xử ly hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Đinh Văn H.

2. Về con chung: Giao chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu Đinh Thị Mỹ D, sinh ngày 16/3/2005 và cháu Đinh Tiến Đ, sinh ngày 04/4/2014 kể từ tháng 12 năm 2020 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Anh Đinh Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Bùi Thị T, anh Đinh Văn H được quyền thăm hỏi, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Chị T và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn là chị Bùi Thị T phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng). Chị T được đối trừ khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duy Tiên theo Biên lai số 0003303 ngày 01/10/2020. Nay chị T không phải nộp thêm.

Báo cho chị Bùi Thị T có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đinh Văn H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam.
- VKSND Duy Tiên.
- THADS Duy Tiên.
- UBND phường T;
- Các đương sự.
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mạnh Xuân Hải